

# ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC ĐÀO TẠO CỬ NHÂN THỂ DỤC THỂ THAO CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH ĐÁP ỨNG NHU CẦU XÃ HỘI ĐẾN NĂM 2025 VÀ TẦM NHÌN 2030

Đinh Khánh Thu<sup>(1)</sup>  
Đinh Quang Ngọc<sup>(1)</sup>

## Tóm tắt:

Trên cơ sở đánh giá thực trạng hoạt động đào tạo cũng như xu hướng phát triển và dự báo nhu cầu nguồn nhân lực cử nhân TĐTT Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh giai đoạn 2025 tầm nhìn 2030 của các ngành, chuyên ngành, đề xuất 10 giải pháp có tính định hướng trong công tác đào tạo cử nhân TĐTT của Nhà trường trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Chương trình đào tạo, chất lượng cử nhân TĐTT, nhu cầu xã hội, xu hướng phát triển, dự báo nhu cầu.

## Orientation in training bachelors in Physical Education and Sports at Bac Ninh Sports University in order to satisfy social demands to 2025 and vision to 2030

## Summary:

The author has assessed the current situation of training work as well as development trends and forecasted the demand for human resources for bachelors in sports at Bac Ninh Sports University in the period of 2025 with a vision to 2030. The author has suggested 10 proposals in order to orientate the training work of bachelors in sports at the university in the coming time.

**Keywords:** Training program, quality of bachelor's degree in sports, social demand, development trend, demand forecast.

## ĐẶT VẤN ĐỀ

Lĩnh vực đào tạo và NCKH luôn là lĩnh vực ưu tiên trong chiến lược phát triển của Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh. Chính vì vậy năm 2020, Trường Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh đã phê duyệt và triển khai nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở dưới dạng chương trình KH&CN với tên: “Nghiên cứu định hướng công tác đào tạo cử nhân TĐTT của Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh đáp ứng nhu cầu xã hội đến năm 2025 và tầm nhìn 2030”, trong đó có sự phối hợp nghiên cứu của 4 khoa và 16 bộ môn, nội dung bài viết này thuộc kết quả nghiên cứu của đề tài nhánh tổng hợp.

Mục đích chính của toàn bộ chương trình KH&CN nhằm cung cấp những luận cứ khoa học giải quyết các vấn đề cấp bách liên quan tới công tác đào tạo nguồn nhân lực cử nhân TĐTT

của Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh, đáp ứng nhu cầu phát triển và hội nhập của xã hội đến 2025 và tầm nhìn 2030. Mục tiêu cụ thể là thông qua việc khảo sát đánh giá thực trạng xu hướng nhu cầu xã hội đối với nguồn nhân lực cử nhân các chuyên ngành trong lĩnh vực TĐTT, trên cơ sở đó xác định các định hướng và đề ra giải pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo trình độ cử nhân của Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh, đáp ứng nhu cầu và phù hợp với xu hướng phát triển, hội nhập của xã hội.

## PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu chung cũng như tổng hợp kết quả nghiên cứu của 20 đề tài nhánh.

Phương pháp phỏng vấn nhằm lựa chọn bộ công cụ đánh giá hoạt động đào tạo cử nhân của Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh và kiểm định

<sup>(1)</sup>PGS.TS, Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh

lý thuyết các giải pháp đã lựa chọn. Đồng thời ở chừng mực nhất định, kết quả phỏng vấn được coi như những căn cứ thực tiễn để lựa chọn các mục tiêu phù hợp nhằm đổi mới đào tạo theo hướng tiếp cận năng lực đào tạo của Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh. Đối tượng phỏng vấn là các nhà quản lý, chuyên gia trong lĩnh vực TĐTT; cơ sở đào tạo đồng cấp; sinh viên trong Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh.

Phương pháp điều tra xã hội học sử dụng trong điều tra thực trạng mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội của nguồn nhân lực cử nhân TĐTT thông qua phỏng vấn người học, giảng viên, nhân viên, đội ngũ lãnh đạo và quản lý, nhà sử dụng lao động, các đối tác, gia đình người học, nhà đầu tư, cơ quan quản lý trực tiếp, cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

Phương pháp phân tích SWOT được sử dụng để phân tích thế mạnh và điểm yếu, cơ hội và thách thức trong hoạt động đào tạo cử nhân TĐTT của Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh, trên cơ sở đó xây dựng nội dung kế hoạch cho định hướng công tác đào tạo cử nhân TĐTT của Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội đến năm 2025 và tầm nhìn 2030.

Phương pháp toán học thống kê, được sử dụng để xử lý các số liệu mà đề tài thu thập được trong quá trình nghiên cứu. Các số liệu mà đề tài thu thập được xử lý bằng các phần mềm Excel, SPSS, R trên cơ sở vận dụng phương pháp thống kê trong TĐTT.

## **KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN**

### **1. Thực trạng chương trình đào tạo và chất lượng nguồn nhân lực cử nhân TĐTT Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh**

#### **1.1 Thực trạng chương trình đào tạo cử nhân của Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh**

Thực trạng chương trình đào tạo được đánh giá qua 4 phương diện: Phân cấp quản lý chương trình đào tạo; Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo; Xây dựng và kiểm định chương trình đào tạo. Kết quả nghiên cứu thực tiễn cho thấy:

- Chương trình đào tạo phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục - Đào tạo [1].

- Về xây dựng chương trình đào tạo: ngành Giáo dục thể chất được tham chiếu chuẩn nghề

ngành giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông (Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT) [2]. Tuy nhiên, để đáp ứng nhu cầu xã hội cần có sự nâng cấp năng lực và chuẩn đầu ra cho phù hợp; Ngành Huấn luyện thể thao được tham chiếu tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành TĐTT (Thông tư số 13/2014/TTLT-BVHTTDL-BNV), tối thiểu ở ngạch Huấn luyện viên hạng III; Đối với hai ngành còn lại là Quản lý TĐTT và Y sinh học TĐTT mới chỉ có sự tham chiếu “gần” đến tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành TĐTT (Thông tư 13) [3] cho đối tượng là “Hướng dẫn viên” và “Huấn luyện viên”, vì vậy, hai ngành này cần có sự chuẩn hoá về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dựa trên việc xác định nhu cầu xã hội một cách khoa học.

- Về thực trạng chuẩn đầu ra các ngành, cho thấy bước đầu đã phản ánh được sứ mạng của Trường, ngành và phù hợp với Bậc 6 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam nhằm đáp ứng chuẩn năng lực của ngành. Tuy nhiên, do chưa làm rõ được 4 cấp độ CĐR theo triết lý của CDIO nên khi đối sánh với Thông tư 20 cho thấy việc thiết kế CĐR chương trình đào tạo còn chưa mang tính hệ thống, chưa bám sát theo một triết lý xây dựng cụ thể, nổi cộm là số CĐR nhiều nhưng chưa đảm bảo việc quan sát và đo lường.

- Về thực trạng kiểm định chương trình đào tạo, cho tới thời điểm năm 2022, cả 4 chương trình chưa có chương trình nào thực hiện kiểm định chương trình đào tạo (đánh giá ngoài).

#### **1.2 Thực trạng chất lượng nguồn nhân lực cử nhân TĐTT Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh**

Kết quả đánh giá thông qua khảo sát cựu sinh viên (thời gian ra trường 1 năm) về tình hình việc làm và mức độ đáp ứng công việc sau khi tốt nghiệp có nhiều điểm khác biệt giữa các ngành, tuy nhiên tỉ lệ sinh viên có việc làm tương đối khả quan, đạt mức 85,38% - 97,04%. Số chưa có việc làm là do chưa tìm được việc ưng ý, muốn đi học tiếp hoặc vì lý do khác.

Số có việc làm đúng chuyên môn dao động từ 37,04% - 97,1%. Tỉ lệ làm đúng chuyên môn cao nhất là Khoa HLTT với 91,6%, tuy nhiên công việc liên quan chính đến chuyên ngành là công tác Huấn luyện viên thể thao thì tỉ lệ này

chỉ đạt 49,4%. Tỷ lệ làm đúng chuyên môn thấp nhất là khoa Y sinh học TĐTT. Đối với sinh viên ngành Y sinh học TĐTT, trung bình mỗi khóa chỉ có 24,6% làm việc đúng chuyên ngành, ngược lại, có tới 40,3% làm việc không đúng chuyên ngành, và gần 28% làm việc gần với chuyên ngành.

Khoa Quản lý TĐTT cũng có tình trạng tương tự với số cử nhân làm việc đúng ngành cũng chiếm tỷ lệ không cao (27,41%). Cử nhân Quản lý TĐTT sau khi ra trường chủ yếu làm việc ở các đơn vị sự nghiệp và các doanh nghiệp (28,89 – 41,48%), số làm việc ở cơ quan quản lý nhà nước chiếm tỷ lệ thấp (8,15%).

Về kiến thức được đào tạo, số sinh viên được khảo sát cho rằng hữu ích và rất hữu ích chiếm khoảng 76,3% - 82,7%. Khi đánh giá về công việc đang làm số đông cảm thấy hài lòng và tương đối hài lòng chiếm tỷ lệ 30,37% - 61,7%, thu nhập từ công việc chính của họ trung bình từ 5 đến 10 triệu đồng/tháng.

Trong quá trình công tác, nhân lực cử nhân TĐTT các ngành đều tự nhận thấy bản thân đáp ứng được yêu cầu thực tiễn về kiến thức chung và chuyên môn từ mức trung bình trở lên. Về các kỹ năng chung vẫn còn một số ít cử nhân tự nhận mình đáp ứng ở mức yếu, kém ở một số kỹ năng như: Kỹ năng giao tiếp; Kỹ năng tư duy sáng tạo; Kỹ năng xử lý dữ liệu và thông tin và đặc biệt là kỹ năng ngoại ngữ (13,33 – 5,19%). Bên cạnh đó, kỹ năng chuyên môn cũng có cử nhân TĐTT nhận thấy bản thân còn yếu song tỷ lệ này không cao (từ 1,48 – 4,44%). Về thái độ nghề nghiệp, đa số các cử nhân tự đánh giá cao mức độ đáp ứng những tiêu chí này trong thực tiễn.

## **2. Thực trạng xu hướng phát triển và dự báo nhu cầu nguồn nhân lực cử nhân TĐTT Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh giai đoạn 2025 tầm nhìn 2030**

### **2.1 Thực trạng xu hướng phát triển**

Kết quả phỏng vấn các chuyên gia, cán bộ quản lý TĐTT các ngành đào tạo được thiết kế theo thang đo Likert với 5 mức độ, sau đó xếp thứ tự các ý kiến trả lời. Kết quả cho thấy: 100% các ý kiến của các chuyên gia các ngành GDTC, HLTT, Quản lý TĐTT và Y sinh học TĐTT đều đồng nhất xu hướng phát triển nguồn nhân lực cử nhân TĐTT đó là: Ưu tiên 1. Làm việc tại các

đơn vị, cơ sở nhà nước chuyên về TĐTT; Ưu tiên 2. Làm việc tại cơ quan nhà nước không chuyên về TĐTT; Ưu tiên 3. Làm việc tại các cơ sở dịch vụ TĐTT tư nhân. Đây cũng là định hướng chung để các ngành học xác định rõ mục tiêu đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội.

### **2.2. Dự báo khái quát xu hướng nhu cầu nguồn nhân lực**

Các kết quả chính:

- Nhu cầu nguồn nhân lực TĐTT sẽ tăng cả về số lượng và chất lượng, phân bố không chỉ ở các thành phố lớn mà còn tăng mạnh ở Trung du và miền núi phía Bắc, miền Trung và Tây Nguyên, Tây Nam Bộ.

- Nhu cầu nhân lực quản lý nhà nước tăng ít, nhưng phải nâng cao trình độ.

- Nhu cầu nguồn nhân lực TĐTT trong khối doanh nghiệp và đơn vị sự nghiệp có thu tăng mạnh (kinh doanh dịch vụ TTQC và TTGT).

- Nhu cầu nguồn nhân lực TĐTT trong khối sự nghiệp và doanh nghiệp sẽ tăng theo nhu cầu phát triển, khó dự báo, bình quân khoảng từ 12% đến 18%.

## **3. Định hướng và giải pháp trong công tác đào tạo cử nhân các ngành, chuyên ngành TĐTT đáp ứng nhu cầu phát triển và hội nhập của xã hội**

### **3.1. Định hướng công tác đào tạo cử nhân các ngành, chuyên ngành TĐTT đáp ứng nhu cầu phát triển và hội nhập của xã hội**

Dựa trên kết quả phân tích SWOT, thấy rằng, đối với chương trình đào tạo, chủ yếu là xác định đúng định hướng mục tiêu đào tạo, nhất quán giữa sứ mạng, mục đích, mục tiêu và chuẩn đầu ra, chuyển đổi tiếp cận từ chương trình đào tạo hàn lâm (nặng về lý thuyết) sang chương trình đào tạo theo năng lực (thực hành - ứng dụng nghề nghiệp).

Phát triển chương trình đào tạo cần xuất phát từ thực tế nghề nghiệp/chuyên môn và các yêu cầu liên quan đến hoạt động lao động nghề nghiệp. Cần nghiên cứu phân tích rõ đặc điểm chuyên môn nghề, phân tích các công việc thừa hành thực tế trong môi trường lao động nghề nghiệp cụ thể để thiết kế, xây dựng chương trình đào tạo.

Xây dựng chương trình đào tạo theo định hướng các mục tiêu đào tạo cụ thể để hình thành



## TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH BAC NINH SPORT UNIVERSITY

**Với truyền thống hơn 60 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh đang là cái nôi trong đào tạo nguồn nhân lực Thể dục thể thao chất lượng cao tại Việt Nam**

năng lực chuyên môn. Các chương trình không chỉ bao hàm mục tiêu học tập/đào tạo mà còn phản ánh cả các khía cạnh nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức học tập, kiểm tra đánh giá...

Phát triển các chương trình đào tạo mở, tạo điều kiện thường xuyên cập nhật tri thức, kỹ năng mới và khuyến khích sự sáng tạo của người học. Thực hiện đánh giá thường xuyên và kiểm định chương trình đào tạo.

Chú trọng yêu cầu phát triển năng lực hành nghề, tăng cường năng lực hành động và thích ứng nhanh với những biến đổi trong lao động nghề nghiệp (định hướng, nghiên cứu và thực hiện hành động...).

### **3.2. Giải pháp trong công tác đào tạo cử nhân các ngành, chuyên ngành TDTT đáp ứng nhu cầu phát triển và hội nhập của xã hội**

Từ các kết quả nghiên cứu nêu trên, đồng thời tham khảo các tài liệu chung và chuyên môn có liên quan đến vấn đề nghiên cứu, bước đầu đề xuất 10 giải pháp đáp ứng mục tiêu tổng thể về “Nâng cao năng lực đào tạo cử nhân TDTT đáp ứng nhu cầu xã hội của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh đến năm 2025 và tầm nhìn 2030”.

### *Kiểm định lý thuyết các giải pháp*

Nhằm mục đích tìm hiểu kiểm định lý thuyết các giải pháp đã lựa chọn, thông qua phỏng vấn 29 cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, các chuyên gia, giảng viên.

Như vậy, từ kết quả thu được cho thấy, cả 10 giải pháp đều đạt mức độ điểm “rất phù hợp”. Đây là cơ sở khoa học cho phép áp dụng 10 giải pháp này vào thực tiễn nhằm nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân TDTT đáp ứng nhu cầu phát triển và hội nhập của xã hội giai đoạn 2025 tầm nhìn 2030 tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

### **KẾT LUẬN**

- Thực trạng hoạt động đào tạo cử nhân của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh trên cơ bản đã phản ánh được sứ mạng của Trường, ngành và phù hợp với Bậc 6 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Tuy nhiên thiết kế CDR chương trình đào tạo của cả 4 ngành chưa đảm bảo việc quan sát và đo lường, chưa có chương trình nào thực hiện kiểm định chương trình. Chất lượng nguồn nhân lực cử nhân của nhà trường tương đối khả quan, được xã hội chấp nhận với tỉ lệ có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp >85%, tuy nhiên tỉ lệ làm đúng chuyên môn còn chưa cao.

**Bảng 1. Kết quả phỏng vấn đánh giá mức độ đồng thuận của các giải pháp (n=29)**

TT	Giải pháp	Mức độ phù hợp					$\bar{x}$
		Rất phù hợp	Phù hợp	Bình thường	Không phù hợp	Rất không phù hợp	
1	Chuyển đổi toàn diện từ đào tạo kiến thức sang đào tạo năng lực	29	-	-	-	-	5.00
		100	-	-	-	-	
2	Đổi mới cấu trúc và yêu cầu chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	29	-	-	-	-	5.00
		100	-	-	-	-	
3	Đa dạng hoá chương trình đào tạo cử nhân	29	-	-	-	-	5.00
		100	-	-	-	-	
4	Liên thông các bậc học và rút ngắn thời gian đào tạo	29	-	-	-	-	5.00
		100	-	-	-	-	
5	Đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập	29	-	-	-	-	4.97
		100	-	-	-	-	
6	Đổi mới kiểm tra, đánh giá	29	-	-	-	-	4.97
		100	-	-	-	-	
7	Tăng cường quản lý giảng viên theo năng lực	28	1	-	-	-	4.97
		96.6	3.4	-	-	-	
8	Tăng cường tư vấn về ngành nghề TDDT cho Bộ chủ quản	28	1	-	-	-	4.97
		96.6	3.4	-	-	-	
9	Tăng cường quan hệ đối tác trong nước và quốc tế cho phát triển	28	1	-	-	-	4.97
		96.6	3.4	-	-	-	
10	Hoàn thiện cơ chế chính sách để tạo nguồn lực con người và CSVC	27	2	-	-	-	4.93
		93.1	6.9	-	-	-	

- Định hướng đào tạo trong thời gian tới của các ngành là: Nhân lực làm việc tại các đơn vị, cơ sở nhà nước chuyên về TDDT; Làm việc tại cơ quan nhà nước không chuyên về TDDT; Làm việc tại các cơ sở dịch vụ TDDT tư nhân.

- Để khắc phục những hạn chế trong công tác đào tạo cử nhân TDDT đáp ứng nhu cầu phát triển và hội nhập của xã hội đến năm 2025 tầm nhìn 2030, các ngành, chuyên ngành cần xem xét áp dụng 10 giải pháp, chủ yếu là xác định đúng định hướng mục tiêu đào tạo, nhất quán giữa sứ mạng, mục đích, mục tiêu và chuẩn đầu ra, chuyển đổi tiếp cận từ chương trình đào tạo hàn lâm sang chương trình đào tạo theo năng lực.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ GD và ĐT (2010), *Hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo.*
2. Bộ GD và ĐT (2018), *Thông tư Số: 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 về việc Ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.*
3. Bộ VH,TT&DL - Bộ Nội vụ (2014), *Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 17/10/2014 về việc Quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành TDDT.*
4. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2011), *Quyết định số 3067/QĐ-BVHTTDL ngày 29/9/2011 ban hành Quy hoạch phát triển nhân lực nhóm ngành Văn hóa, Thể thao giai đoạn 2011 – 2020.*

(Bài nộp ngày 5/5/2022, phản biện ngày 12/6/2022, duyệt in ngày 29/6/2022  
 Chịu trách nhiệm chính: Đinh Khánh Thu; Email: thutdth73@gmail.com)



**Tạp chí KHOA HỌC**

# **ĐÀO TẠO VÀ HUẤN LUYỆN THỂ THAO**

**JOURNAL OF SCIENTIFIC TRAINING AND SPORTS COACHING**

**Ministry of Culture, Sports and Tourism - Bac Ninh Sport University**

**Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh - Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch**

**ISSN 1859-4417**

**Số 3-2022  
(70)**

